

Số:65/2013/CV-VASEP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2013

V/v góp ý sửa đổi phương thức quản lý định mức sử dụng, định mức tiêu hao, tỷ lệ hao hụt nguyên phụ liệu, vật tư đối với loại hình NK nguyên liệu, vật tư để SX, gia công XK

Kính gửi: - Thứ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn – Bộ Tài chính
- Tổng Cục trưởng Tổng Cục Hải quan

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin trân trọng cảm ơn Bộ Tài chính đã tạo cơ hội để đại diện Hiệp hội được tham dự họp cùng Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ngày 2/4/2013 về các khó khăn, vướng mắc trong vấn đề quản lý định mức tiêu hao, tỷ lệ hao hụt với loại hình nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để SXKX và gia công XK.

Trong những năm qua, ngành chế biến XK thủy sản đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam, hàng năm đóng góp lớn cho kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Từ năm 2011 đến nay, kim ngạch XK thủy sản đã vượt qua con số **6 tỷ USD/năm**, và theo kế hoạch sẽ đạt **8 tỷ USD** vào 2015 và **10 tỷ USD** năm 2020.

Ngành công nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam hiện có **567** nhà máy chế biến mức độ công nghiệp đạt tiêu chuẩn ATVSTP theo qui chuẩn của ngành. Trong đó có **415** nhà máy đạt tiêu chuẩn XK vào Châu Âu (EU code), đứng trong Top3 về năng lực này trên toàn cầu. Trong những năm gần đây, ngành chế biến thủy sản đã & đang đứng trước khó khăn thiếu nguyên liệu trầm trọng cho chế biến xuất khẩu. Nguồn nguyên liệu trong nước ngày càng hạn hẹp do ảnh hưởng của dịch bệnh, chất lượng nuôi, nguồn nguyên liệu khai thác cho chế biến giảm dần do ảnh hưởng tranh chấp trên biển đông và chất lượng bảo quản sau thu hoạch kém, cộng với chính sách của nhiều địa phương hiện nay ưu tiên phát triển khu đô thị, KCN và khu du lịch... đã làm eo hẹp quỹ đất nuôi trồng thủy sản.

Để tăng cường xuất khẩu và đa dạng hóa sản phẩm, nhiều DN đã phải chọn phương án NK nguyên liệu để chế biến XK (nhập để SXKX là chủ yếu, hơn **70%**). Năm 2012, giá trị nguyên liệu thủy sản NK đã tăng tới con số gần **700** triệu USD. Để mua được các nguồn nguyên liệu này, các DN thường NK nguyên liệu vào mùa vụ và mua theo lượng lớn, có khi phải mua cả tàu để dự trữ sản xuất trong năm.

Với việc mua được lượng nguyên liệu lớn đã tạo ra sự chủ động, lợi thế cạnh tranh và việc làm thường xuyên cho người lao động. Doanh nghiệp không thể chế biến XK hết theo một hợp đồng mà tùy theo hợp đồng ký kết về chủng loại sản phẩm (theo size, cỡ...) để chọn lựa nguyên liệu chế biến phù hợp. Mặt khác, do đặc thù của nguyên liệu chế biến thủy sản là hàng đông lạnh, trong quá trình chế biến phải rã đông, fillet, gọt bỏ phần phụ phẩm (da, xương, đầu...), phải rửa dưới nước nhiều nên phần thịt vụn không thể gom lại được. Việc này đã gây khó cho DN trong việc thực hiện một số quy định về quản lý định mức sử dụng, định mức tiêu hao, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong SXKX của cơ quan quản lý. Những khó khăn, vướng mắc của DN thủy sản thường gặp phải như sau:

I. Khó khăn về việc thực hiện các định mức sử dụng; định mức tiêu hao; tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, phụ liệu, vật tư đối với loại hình NK nguyên liệu, vật tư để SX; gia công hàng XK (kê khai; thanh khoản; quyết toán).

1. Đối với loại hình nhập nguyên liệu, vật tư để SXKK:

a) Về kê khai định mức:

Theo khoản 2 điều 33 Thông tư 194/2010/TT-BTC quy định: *thông báo định mức phải thực hiện cho từng mã sản phẩm theo mẫu 07/ĐKĐM-SXXX, Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.* Nhưng thực tế sản xuất, phần tỉ lệ hao hụt là rất khó theo dõi vì nguyên tắc: khi sản xuất có rất ít DN theo dõi thông số này riêng mà chủ yếu là theo dõi phân định mức cuối cùng của sản phẩm, trong phân định mức đã có bao gồm phần hao hụt. Khi xuất lượng nguyên liệu ra sản xuất, DN chỉ căn cứ vào nguyên liệu đưa vào sử dụng và các chính phẩm thu về được để từ đó tính ra định mức chứ không tách riêng thành hao hụt tỉ lệ bao nhiêu, bao nhiêu phải tham gia vào sản xuất để ra định mức và tính ra lô nguyên liệu đó tiêu hao bao nhiêu gồm tỉ lệ hao hụt và định mức như Thông tư yêu cầu phải làm trên mẫu 07/ĐKĐM-SXXX.

Kiến nghị:

Phân định mức nên gom lại là định mức tiêu hao (bao gồm tỷ lệ hao hụt và định mức) để có được sản phẩm làm ra mà không tách riêng thành định mức riêng, tỉ lệ hao hụt riêng rồi mới ra phân định mức kể cả hao hụt. Vì như vậy sẽ làm mất thời gian tính toán, chứng từ kẻ nhiều cột mà có phần không thực tế chỉ là lý thuyết buộc các DN phải thực hiện theo về mặt giấy tờ. Do đó phần tỉ lệ hao hụt không cần kê khai trên bảng định mức mà chỉ kê khai duy nhất 1 định mức (định mức này bao gồm cả phần hao hụt).

b) **Khoản 2 Điều 34 của TT 194 quy định:** *"tờ khai nhập khẩu trước, tờ khai xuất khẩu trước phải thanh khoản trước; trường hợp tờ khai nhập khẩu trước nhưng do nguyên liệu, vật tư của tờ khai này chưa đưa vào sản xuất nên chưa thanh khoản được thì DN phải có công văn giải trình với CQHQ khi làm thủ tục thanh khoản"*. Nếu thực hiện theo quy định này, DN sẽ gặp 2 khó khăn sau:

- **Quy định nhập trước yêu cầu phải xuất trước, nếu chưa sản xuất trước thì DN phải làm công văn giải trình với Hải quan:** Điều này hoàn toàn không phù hợp với thực tế, đặc biệt đối với mặt hàng thủy sản là cá đánh bắt tự nhiên NK (vì nguyên liệu NK không phải chỉ để SX ngay mà DN còn phải dự trữ hoặc khi DN kí kết lô hàng với chủ tàu đánh bắt, chủ tàu yêu cầu DN mua hết sản phẩm trên tàu họ đánh bắt được, trong đó có mặt hàng DN cần và mặt hàng DN chưa có đơn hàng thì mặt hàng chưa có đơn hàng, DN phải dự trữ lại để SX sau hoặc có thể NK trước nhưng chất lượng, size cỡ của nguyên liệu không đáp ứng được với yêu cầu của đơn hàng đầu ra thì DN cũng không thể SX ngay mà phải lựa chọn nguyên liệu khác NK sau để SX. Như vậy, đây là tình trạng xảy ra thường xuyên với DN, nếu DN cứ phải làm công văn giải trình hiện tượng lặp đi lặp lại trong các bộ chứng từ thì sẽ làm mất rất nhiều thời gian, thủ tục rườm rà...

Kiến nghị:

Bỏ quy định phải giải trình về trường hợp nêu trên để bớt đi thủ tục cho cả DN và Hải quan: DN không mất thời gian làm giải trình công văn, tiết kiệm được chi phí thời gian và văn phòng phẩm, cũng giảm bớt được các thủ tục lưu trữ cho cả Hải quan và DN.

- **Quy định về "tờ khai nhập khẩu trước, tờ khai xuất khẩu trước phải thanh khoản trước":** Điều này có nghĩa là tờ khai xuất trước thanh khoản trước sau đó tờ khai XK mới được thanh khoản, nếu hồ sơ thanh khoản của tờ khai XK trước chưa được thanh khoản thì hồ sơ thanh khoản của tờ khai sau vẫn chưa được xem xét. Như vậy, với quy định này là không phù hợp với thực tế mà còn gây ùn tắc công việc theo dõi hoàn thuế cũng như tồn đọng nợ thuế khi hồ sơ thanh khoản của tờ khai XK sau đã hoàn thành nhưng chưa được xem xét vì thanh khoản của tờ khai xuất chưa được thanh khoản.

Kiến nghị:

Hồ sơ hoàn thuế của bộ nào hoàn chỉnh, đầy đủ các yêu cầu điều kiện về thanh khoản thì nên tiến hành cho thanh khoản, không nên căn cứ vào tờ khai xuất trước hoàn trước, tờ khai xuất sau hoàn sau.

2. Đối với loại hình Nhập khẩu để gia công XK:

Đối với việc nhập khẩu nguyên liệu để GIA CÔNG hàng xuất khẩu, quy định hiện hành tại Thông tư số 117/2011/TT-BTC ngày 15/8/2011 đang yêu cầu đăng ký định mức tạm tính lúc đăng ký hợp đồng gia công, sau đó nếu có sai khác khi xuất khẩu thì đăng ký điều chỉnh định mức thực tế

Kiến nghị:

Bỏ yêu cầu việc đăng ký định mức tạm tính lúc đăng ký hợp đồng gia công, mà DN chỉ cần đăng ký sản lượng nguyên liệu tạm tính, khi XK thì DN đăng ký định mức thực tế.

- 3. Thời gian gia hạn thanh khoản khi chưa có đủ chứng từ thanh toán, hiện tại chỉ được 15 ngày:** Do ảnh hưởng của chính sách kinh tế khó khăn khiến tình hình kinh doanh của người mua ngày càng khó khăn, DN XK và nhà Nhập khẩu là bạn hàng và hỗ trợ cho người NK bằng cách trả nợ chậm khi người mua dần ổn định về tài chính để giữ mối kinh doanh với khách hàng. Nhưng Hải quan căn cứ vào quy định này, gây áp lực về thuế đến hạn cho DN. Trong khi thực tế là khi khách hàng thanh toán chậm cũng gây thiệt hại cho người XK về các vấn đề tài chính. Doanh nghiệp nào cũng luôn mong muốn được thuận lợi cả về vấn đề thanh toán và nộp thuế.

Kiến nghị: Xem xét lại thời gian gia hạn thanh khoản cho DN hoặc xem xét ưu tiên cho các DN thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế, Hải quan, ưu tiên cho DN luồng xanh.

- 4. Quy định về vật tư sử dụng và thanh khoản đối với túi nhựa plastic để đóng gói hàng XK:** Đối với túi nhựa plastic để đóng gói hàng SXKX nhưng bị trả về, DN bị truy thu thuế phần NK 15% cho phần túi nhựa đựng trong hàng bị trả về với lý do hàng chưa xuất khỏi Việt Nam. Thực tế, DN đã kê khai XK nhưng do lô hàng không đạt yêu cầu của khách hàng nên bị trả lại, túi plastic đựng sản phẩm cũng bị trả lại (phần túi bị tháo rác, cắt bỏ và không sử dụng được xem như phế liệu hoặc bỏ đi...)

Kiến nghị: Xem xét đối với trường hợp túi nhựa plastic đóng gói hàng SXKK bị trả về không phải nộp thuế nhập khẩu.

II. Khó khăn về quy định thời hạn nộp Hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu (TT 194/2010/TT-BTC).

Thông tư 194/2010/TT-BTC (TT 194) hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, thời gian qua đã tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp (DN) trong quá trình áp dụng thực hiện. Tuy nhiên, nhiều DN thủy sản NK nguyên vật liệu để SXKK đang gặp vướng mắc khi áp dụng quy định về thời gian nộp bộ Hồ sơ hoàn thuế, được quy định tại **Điều 132** của TT 194.

Hiệp hội VASEP cũng đã có CV số 120/2012/CV-VASEP ngày 12/11/2012 gửi Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng Cục trưởng TCHQ. Ngày 22/11/2012, TCHQ đã có văn bản trả lời VASEP số 6594/TCHQ-TXNK ghi nhận kiến nghị của Hiệp hội để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định theo kiến nghị của VASEP.

Nội dung kiến nghị chủ yếu:

1. Điều chỉnh, bổ sung Mục b2 Khoản 2 Điều 132: Thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế chậm nhất là bốn mươi lăm ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu cuối cùng thuộc tờ khai nhập khẩu đề nghị xin hoàn.
2. Bỏ quy định thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với các DN thực hiện nộp Hồ sơ hoàn thuế không đúng 45 ngày cho từng tờ khai xuất khẩu (khoản 4 điều 132).

Kiến nghị: Bộ Tài chính & Tổng cục HQ sớm có văn bản pháp lý sửa đổi/điều chỉnh theo kiến nghị trên của VASEP đã chi tiết tại CV 120/2012 ngày 12/11/2012 của HH.

III. Khó khăn đối với DN ưu tiên khi thực hiện quy định tại Thông tư số 63/2011/TT-BTC, ngày 13/5/2011 của Bộ Tài chính:

1. Tại điều 5 - Điều kiện về quá trình tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp:

Mục 3.2. Cơ quan xác nhận việc tuân thủ về thuế nội địa và hiệu quả kinh doanh là chi cục thuế nơi doanh nghiệp đăng ký thực hiện nộp các khoản thuế nội địa.

Vướng mắc: Doanh nghiệp thường hay bị mắc lỗi trong quá trình thực hiện đối với thuế nội địa ở khâu liên quan đến 1 số quy định của Thông tư 06/2012, cụ thể:

Theo khoản 2 điều 15 mục 1 chương III thông tư 06//2012/TT-BTC, ngày 11/01/2012 của Bộ tài chính nêu:

Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hoá nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT.

1. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như séc, uỷ nhiệm chi hoặc lệnh chi, uỷ nhiệm thu, thẻ ngân

hàng, sim điện thoại (ví điện tử) và các hình thức thanh toán khác theo quy định (bao gồm cả trường hợp bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua sang tài khoản bên bán mang tên chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua mang tên chủ doanh nghiệp tư nhân sang tài khoản bên bán nếu tài khoản này đã được đăng ký giao dịch với cơ quan thuế). Các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán hoặc chứng từ thanh toán theo các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành không đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ hai mươi triệu đồng trở lên.

2. Hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn từ hai mươi triệu đồng trở lên theo giá đã có thuế GTGT nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ. Đối với những hoá đơn này, cơ sở kinh doanh kê khai vào mục hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ trong bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào...

Thực tế trong công việc XNK của một doanh nghiệp thủy sản ưu tiên, thì trung bình một ngày XK khoảng 10 container và nhập khoảng 3-5 container. DN phải bố trí nhiều nhân viên đi làm thủ tục. Những việc cần phải nộp tiền mặt để giải quyết công việc cho nhanh chóng như nộp lệ phí làm thủ tục chứng từ XNK (Bill...), giấy đăng ký kiểm ATVS TP ... như vậy cộng hóa đơn trong ngày sẽ hơn 20 triệu đồng. Nếu chờ chuyển khoản thì sẽ phải chờ từ **2 ngày** trở lên thì công việc mới làm được; khi đó, công việc đó sẽ chậm mất 2 ngày, gây tổn thất về thời gian và lịch trình xuất-nhập hàng, làm tăng tiền lưu cont, lưu bãi. Nhưng nếu không thực hiện chuyển khoản, công ty sẽ vi phạm qui định và bị phạt vi phạm hành chính. Khi bị phạt, Cục Hải quan địa phương kết hợp với Cục Thuế địa phương đưa thông tin lên mạng quản lý rủi ro đó là DN bị phạt vi phạm hành chính. Điều này DN không có lối thoát và áp lực nặng nề khi DN đó lại là DN ưu tiên. Trong khi, thực tế thì DN ưu tiên luôn hiểu và mong muốn/cầu thị thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm đối với pháp luật về thuế và pháp luật hải quan .

Kiến nghị:

1. Không lấy thông tin vi phạm hành chính của thuế nội địa đưa lên mạng quản lý rủi ro làm ảnh hưởng tới quá trình XNK hàng hóa, cũng như uy tín của DN. Bởi vì những vi phạm hành chính của DN ưu tiên đối với thuế nội địa có những yếu tố khách quan về cơ chế, chế độ, chính sách mà DN cần giải trình. Sau khi giải trình thỏa mãn giữa DN và thuế địa phương sẽ đi đến thống nhất và DN thực hiện quyết định cuối cùng.
2. Có thể Tổng cục hải quan hàng năm lấy xác nhận việc tuân thủ pháp luật về thuế nội địa của Cục thuế địa phương đối với DN ưu tiên đóng trên địa bàn làm cơ sở gia hạn DNUT cho những năm tiếp theo là đủ. Không cần phải đưa những thông tin vi phạm hành chính khi DN bị vi phạm mà đã thực hiện xong quyết định xử phạt. Đây là giải pháp không gây áp lực về phía DN. Đối với các DN hoạt động trong lĩnh vực XNK thủy sản thì không có DN nào không tránh khỏi những thiết sót nhất định về thuế nội địa trong bối cảnh có quá nhiều cơ chế, chế độ, chính sách chông chéo nhau. Nếu quá khắt khe thì sẽ khó có DN ưu tiên trong xuất nhập khẩu thủy sản nữa.

2. Điều 14 - Đánh giá lại gia hạn:

Tại Mục 3 qui định thời gian gia hạn có 36 tháng (3 năm).

Kiến nghị: Gia hạn trong thời hạn **60 tháng** (5 năm).

3. Điều 20 - Áp dụng chế độ hoàn thuế trước, thanh khoản trước kiểm tra sau:

Tại Khoản 2 Điều 20 quy định: “Doanh nghiệp ưu tiên được áp dụng chế độ thanh khoản trước, kiểm tra sau theo quy định tại khoản 1 điều này đối với hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu thuộc loại hình chế xuất, gia công”. Trong khi, với ngành thủy sản thì loại hình sản xuất xuất khẩu (SXXK) là chủ yếu nên không được áp dụng quy định này.

Kiến nghị: Có chế độ ưu tiên cụ thể về thời gian nhận hồ sơ và ra quyết định hoàn thuế, không thu thuế cho DN ưu tiên với loại hình SXXK. Cụ thể: được ưu tiên như xuất trình hồ sơ đăng ký XNK. Để tránh tình trạng hồ sơ nhiều tồn đọng không xử lý kịp hay bị lên mạng không ân hạn.

IV. Khó khăn về thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hành máy móc, thiết bị mua ở nước ngoài có ký quỹ theo qui định về thu thuế Nhà thầu nước ngoài tại Thông tư 134/2008/TT-BTC, ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.

Tại điểm 1.2, khoản 1 và điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 phần B trong Thông tư 134/2008/TT-BTC của BTC có hướng dẫn đối với đối tượng nộp thuế GTGT và Thuế TNDN như sau:

“1. Đối tượng chịu thuế GTGT:

- 1.2. Trường hợp hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (kể cả các vùng lãnh hải Việt Nam, các vùng ở ngoài và liền với lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo **các dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế**, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa, kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì trị giá hàng hóa chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo qui định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm thì thuế GTGT được tính chung cho cả hợp đồng.”

“2. Thu nhập chịu thuế TNDN.

- 1.2. Trường hợp hàng hóa được cung cấp dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (kể cả các vùng lãnh hải Việt Nam, các vùng ở ngoài và gắn liền với lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên);

trên); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm *theo các dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa*, kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì thu nhập chịu thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài là toàn bộ giá trị hàng hóa, dịch vụ.”

Tuy nhiên, tại điểm b2, khoản 2.1.2 Điều III phần B và điểm b2, khoản 3.2 điều III phần B thông tư 134/2008 không nhắc đến việc thu thuế từ dịch vụ bảo hành, VASEP và các DN thủy sản thấy hướng dẫn chưa rõ ràng về đối tượng nộp thuế theo qui định của Thông tư này. Chẳng hạn đối với thiết bị NK tạo tài sản cố định dự án đầu tư được miễn thuế NK, không thực hiện công tác sửa chữa, bảo hành trực tiếp trên lãnh thổ VN trong thời hạn bảo hành có thuộc đối tượng phải thu thuế nhà thầu nước ngoài theo các qui định của các thông tư này không?

Kiến nghị: Nếu áp dụng thu thuế GTGT đối với việc bảo hành thiết bị, máy móc nằm trong Danh mục thiết bị NK tạo tài sản cố định dự án đầu tư được miễn thuế NK, thì đề nghị Bộ Tài chính xem xét và xác định:

1. Ai là đối tượng đóng thuế này?
2. Đối với trường hợp có bảo hành nhưng hết thời hạn bảo hành vẫn không phải thực hiện bảo hành tại Việt Nam thì có phải nộp thuế GTGT theo qui định của TT 134 không?
3. Việc bảo hành do nhà đầu tư thực hiện theo hướng dẫn của nhà cung cấp qua email và điện thoại thì có phải nộp thuế theo qui định của TT134 không?
4. Trường hợp có ký quỹ BH nhưng không sử dụng và thực hiện chuyển trả cho nhà cung cấp sau thời gian BH có phải nộp thuế theo qui định của TT134 không?

Trên đây là những khó khăn, vướng mắc của các DN thủy sản, Hiệp hội VASEP xin báo cáo với Thứ trưởng. Kính đề nghị Thứ trưởng xem xét và chỉ đạo tháo gỡ kịp thời để hỗ trợ DN thủy sản vượt qua khó khăn trong giai đoạn hiện nay, tăng cường NK để gia tăng XK, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp phát triển ngành thủy sản nói riêng và kinh tế đất nước nói chung.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Chính sách Thuế (BTC);
- Cục Thuế XNK (TCHQ);
- Chủ tịch HH và Các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TU. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI**



Trương Đình Hòa